

Số: 918/QĐ-PHĐHLN

Đồng Nai, ngày 21 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Quy định mức thu học phí bậc đào tạo đại học năm học 2026-2027

GIÁM ĐỐC

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12/10/2025;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 2268/NQ-HĐT ngày 27/12/2021 của Hội đồng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 3070/NQ-HĐT ngày 31/12/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy chế Tài chính của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-ĐHLN ngày 19/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc Quy định mức thu học phí bậc đào tạo đại học năm học 2026-2027;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán và Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định mức thu học phí bậc đào tạo đại học áp dụng tại Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai năm học 2026-2027, cụ thể như sau:

1. Mức thu học phí chính khóa: Chi tiết tại Phụ lục I, II đính kèm.



2. Mức thu học phí đối với bậc đào tạo đại học hệ thường xuyên, hệ vừa làm vừa học; Chi tiết tại Phụ lục III đính kèm.

3. Mức thu học phí đối với các lớp học riêng ngoài kế hoạch, theo yêu cầu của người học: Chi tiết tại Phụ lục IV đính kèm.

4. Mức thu học phí đối với sinh viên tham gia chương trình trao đổi tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài do Nhà trường cử đi:

+ Học phí phải nộp theo số tín chỉ được Nhà trường công nhận.

+ Mức học phí tín chỉ bằng mức thu học phí chính khoá tương ứng theo từng chương trình/ngành đào tạo.

Điều 2. Quy định mức thu học phí theo Quyết định này có hiệu lực thi hành từ năm học 2026-2027;

Điều 3. Trường các đơn vị trong trường, sinh viên các bậc, hệ đào tạo và các cơ sở đào tạo liên kết ngoài trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng ĐHLN (b/c);
- Ban Giám đốc;
- Các cơ sở liên kết đào tạo;
- Website trường;
- Lưu: VT, TCKT, ĐT.

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH PHÂN HIỆU**



Nguyễn Sỹ Hà





Phụ lục 01

**QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC
TỪ KHÓA 68 TRỞ VỀ TRƯỚC - NĂM HỌC 2026-2027 HỆ CHÍNH QUY**

(Kèm theo Quyết định số 918/QĐ-PHDHLN-TCKT-ĐT ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Khối ngành	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chính quy đại trà năm học 2026-2027	
				Mức học phí niên chế (Đồng/sinh viên/tháng)	Mức thu học phí một tín chỉ (Đồng/tín chỉ)
A		HỆ CHÍNH QUY TẬP TRUNG VÀ HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG			
A1		Môn học Giáo dục Quốc phòng			400.000
A2		TỪ KHÓA 64 TRỞ VỀ TRƯỚC		1.790.000	504.000
A3		TỪ KHÓA 65 ĐẾN KHÓA 68			
	III	Kinh doanh và quản lý, pháp luật			
1	III	7340101	Quản trị kinh doanh	1.790.000	497.000
2	III	7340201	Tài chính - Ngân hàng	1.790.000	497.000
3	III	7340301	Kế toán	1.790.000	497.000
	V	Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y			
4	V	7480104	Hệ thống thông tin (Công nghệ thông tin)	2.090.000	601.000
5	V	7510605	Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.090.000	581.000
6	V	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	2.090.000	581.000
7	V	7580108	Thiết kế nội thất	2.090.000	581.000
8	V	7620110	Khoa học cây trồng	2.090.000	601.000
9	V	7620112	Bảo vệ thực vật	2.090.000	589.000
10	V	7620205	Lâm sinh	2.090.000	593.000
11	V	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	2.090.000	573.000
12	V	7640101	Thú y	2.090.000	570.000
13	V	7640105	Chăn nuôi	2.090.000	570.000
	VII	Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường			
14	VII	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1.910.000	542.000
15	VII	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	1.910.000	554.000
16		7850103	Quản lý đất đai	1.910.000	554.000

[Handwritten signature]



Phụ lục 02

**QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TỪ KHÓA 69
TRỞ VỀ SAU - NĂM HỌC 2026-2027 - HỆ CHÍNH QUY**

(Kèm theo Quyết định số 218/QĐ-PHĐHLN-TCKT-ĐT ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Khối ngành	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chính quy đại trà Năm học 2026-2027	
				Mức học phí niên chế (Đồng/sinh viên/ tháng)	Mức thu học phí một tín chỉ (Đồng/sinh viên/tín chỉ)
A		HỆ CHÍNH QUY TẬP TRUNG VÀ HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG,			
A1		Đối với môn Giáo dục quốc phòng			400.000
A2		CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ			
	III	Kinh doanh và quản lý, pháp luật			
1	III	7340101	Quản trị kinh doanh	1.790.000	490.000
2	III	7340201	Tài chính - Ngân hàng	1.790.000	481.000
3	III	7340301	Kế toán	1.790.000	487.000
	V	Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y			
4	V	7480104	Hệ thống thông tin	2.090.000	554.000
5	V	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.090.000	581.000
6	V	7549001	Thiết kế nội thất	2.090.000	539.000
7	V	7580108	Khoa học cây trồng	2.090.000	561.000
8	V	7620110	Bảo vệ thực vật	2.090.000	553.000
9	V	7620112	Lâm sinh (Kỹ sư)	2.090.000	573.000
11	V	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	2.090.000	563.000
12	V	7640101	Thú y	2.090.000	550.000
13	V	7640105	Chăn nuôi (Kỹ sư)	2.090.000	570.000
	VII	Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường			
14	VII	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1.910.000	523.000
15	VII	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	1.910.000	527.000
16	VII	7850103	Quản lý đất đai	1.910.000	516.000

Phụ lục 03
QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ BẠC ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
HỆ THƯỜNG XUYÊN, HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số 176/QĐ-PHĐHLN-TCKT-ĐT ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Khối ngành	Mã ngành	Ngành đào tạo	Mức học phí niên chế (Đồng/sinh viên/tháng)	Ghi chú
I	KHÓA 68 TRỞ VỀ TRƯỚC				
1	Bạc Đại học liên thông hệ vừa làm vừa học			1.500.000	Thu 6 học kỳ gồm 5 học kỳ chính và 1 học kỳ tốt nghiệp (thu bằng 50% học phí kỳ trước đó)
2	Bạc Đại học hệ vừa làm vừa học			1.500.000	Thu 9 học kỳ gồm 8 học kỳ chính và 01 học kỳ tốt nghiệp (thu bằng 50% học phí kỳ trước đó)
II	TỪ KHÓA 69 TRỞ VỀ SAU				
1	Bạc Đại học liên thông hệ thường xuyên, hệ vừa làm vừa học				
1.1	Chương trình cử nhân Kế toán			1.760.000	Thu học phí đủ 5 kỳ học phí
1.2	Chương trình cử nhân ngành khác			1.870.000	Thu học phí đủ 5 kỳ học phí
1.3	Chương trình kỹ sư, Bác sỹ			1.980.000	Thu học phí đủ 6 kỳ học phí
2	Bạc Đại học hệ thường xuyên, hệ vừa làm vừa học				
2.1	Chương trình cử nhân Kế toán			1.760.000	Thu học phí đủ 9 kỳ học phí
2.2	Chương trình cử nhân ngành khác			1.870.000	Thu học phí đủ 9 kỳ học phí
2.3	Chương trình kỹ sư, Bác sỹ			1.980.000	Thu học phí đủ 10 kỳ học phí



Phụ lục 04

QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI CÁC LỚP HỌC RIÊNG NGOÀI KẾ HOẠCH, THEO YÊU CẦU CỦA NGƯỜI HỌC NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số 918 /QĐ-PHDHLN-TCKT-ĐT ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Hạng mục	Mức thu học phí một tín chỉ (đồng/tín chỉ)
1	Lớp học riêng ngoài kế hoạch theo yêu cầu	
	- Lớp 1 sinh viên	3.500.000
	- Lớp từ 2-5 sinh viên	1.800.000
	- Lớp từ 6-10 sinh viên	950.000
	- Lớp từ 11 sinh viên trở lên	550.000
2	Học ghép lớp	
	- Đối với hệ chính quy	Thu theo mức học phí tại Phụ lục 01
	- Đối với bậc đại học, đại học liên thông hệ thường xuyên, hệ vừa làm vừa học	600.000
3	Khóa luận tốt nghiệp (học lại)	
	- Bậc đào tạo đại học (Khóa luận)	600.000

Ghi chú: Đối với các lớp đào tạo ngoài trường, sinh viên học theo yêu cầu được bố trí kế hoạch học tập tại trường và mức thu học phí áp dụng như các lớp học hè, học riêng ngoài kế hoạch; Sinh viên có nhu cầu học tại Cơ sở liên kết, mức thu sẽ cao hơn mức thu tại trường (bao gồm mức thu học phí và chi phí đi lại, ở, ... của giảng viên) nhưng không quá 1,5 lần mức thu tại trường.